

Số: 725/QĐ -VDD

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ Dinh dưỡng
của Viện Dinh dưỡng

VIỆN TRƯỞNG VIỆN DINH DƯỠNG

Căn cứ Quyết định số 181/CP ngày 13/06/1980 của Hội Đồng Chính phủ về việc thành lập Viện Dinh dưỡng thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2972/QĐ-BYT ngày 23/08/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện Dinh dưỡng”;

Căn cứ Quyết định số 204/2004/QĐ-TTg ngày 09/12/2004 của Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Tiến sĩ cho Viện Dinh dưỡng;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017-NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-TTg ngày 30/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGD&ĐT ngày 22/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ -VDD ngày 01/03/2024 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng về việc ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Dinh dưỡng;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Dinh dưỡng và Thực phẩm - Viện Dinh dưỡng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ dinh dưỡng của Viện Dinh dưỡng

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 933/QĐ-VDD ngày 26 tháng 07 năm 2022 của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Dinh dưỡng

Điều 3: Các ông bà Giám đốc trung tâm Đào tạo Dinh dưỡng và Thực phẩm, Trưởng các Khoa/phòng chuyên môn, chức năng liên quan, các cá nhân đơn vị tham gia đào tạo trình độ Tiến sĩ của Viện Dinh dưỡng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *CH*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Vụ Giáo dục Đại học (để b/cáo);
- Cục Khoa học đào tạo và Công nghệ (Bộ Y tế);
- Lưu VT, HC, TTĐT.


Trần Thanh Dương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ DINH DƯỠNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~75~~/QĐ-VDD ngày 15/ 5 /2024
của Viện trưởng Viện Dinh dưỡng)*

1. Tên chương trình đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ dinh dưỡng
- Tên tiếng Anh: Trainning Programme of Doctor of Philosophy in Nutrition

2. Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

3. Tên gọi văn bằng:

- Tên tiếng Việt: Tiến sĩ dinh dưỡng
- Tên tiếng Anh: PhD in Nutrition

4. Ngành đào tạo: Dinh dưỡng

5. Mã số ngành đào tạo: 9720401

6. Hình thức đào tạo và thời gian đào tạo

- Hình thức đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 04 năm

7. Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển sinh

Theo quy định của Viện Dinh dưỡng được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh nghiên cứu sinh trình độ tiến sĩ dinh dưỡng hàng năm.

8. Tiêu chuẩn tốt nghiệp chương trình

- Có đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Viện Dinh dưỡng;
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Viện Dinh dưỡng;
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Thời gian xây dựng/cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo: 5/2024

10. Mục tiêu chương trình đào tạo:

10.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo chuyên gia nghiên cứu dinh dưỡng có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành các can thiệp chăm sóc dinh dưỡng trong bệnh viện và cộng

đồng, có năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, thực tiễn, đào tạo, hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dinh dưỡng, góp phần xây dựng và thực hiện các chính sách nâng cao chất lượng, hiệu lực/hiệu suất, hiệu quả hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cho người dân tại các cơ sở khám chữa bệnh và tại cộng đồng.

10.2. Mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu của chương trình đào tạo là sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ dinh dưỡng của nghiên cứu sinh:

(1) Có kiến thức chuyên sâu về các chuyên ngành dinh dưỡng gồm các môn học cơ bản, môn học cơ sở và môn học chuyên ngành dinh dưỡng.

(2) Có kiến thức, hiểu biết các quy định pháp luật và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về quản lý và bảo đảm dinh dưỡng của Việt Nam.

(3) Có kỹ năng thực hành các can thiệp chuyên môn, kỹ thuật trong chăm sóc dinh dưỡng trong bệnh viện và cộng đồng như:

- *Đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho người bệnh và cho cộng đồng;*
- *Điều tra, đánh giá khẩu phần ăn; và xây dựng thực đơn cho người bệnh và cho cộng đồng;*
- *Xây dựng và triển khai các can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng;*
- *Xây dựng kế hoạch chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng;*
- *Xây dựng và triển khai được các chương trình truyền thông giáo dục dinh dưỡng trong bệnh viện và cộng đồng.*

(4) Có kỹ năng thực hành giám sát hiệu quả các biện pháp can thiệp chăm sóc về dinh dưỡng trong bệnh viện và cộng đồng.

(5) Có kỹ năng tổ chức, quản lý công tác dinh dưỡng trong bệnh viện, cộng đồng; tham gia xây dựng chính sách, quy định pháp luật, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

(6) Có năng lực độc lập nghiên cứu khoa học bao gồm: *Viết đề cương nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu, phân tích số liệu, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên tạp chí khoa học.*

(7) Có năng lực thực hiện các nghiên cứu tổng quan tài liệu và cập nhật những vấn đề về dinh dưỡng trên Thế giới và Việt Nam; Phát hiện các vấn đề trong nghiên cứu khoa học.

(8) Có năng lực thực hiện phân tích số liệu nghiên cứu khoa học chuyên sâu phục vụ cho nghiên cứu luận án tiến sĩ về dinh dưỡng: *Nhập số liệu, xử lý số liệu, thực hiện các tính toán thống kê y sinh học.*

(9) Có kỹ năng viết báo cáo, bài viết khoa học và đăng được ít nhất 1 bài báo bằng tiếng Anh đăng trên tạp chí trong nước hoặc quốc tế.

11. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế và lý thuyết tiên tiến, chuyên sâu ở vị trí hàng đầu của chuyên ngành đào tạo; có kỹ năng tổng hợp, phân tích thông tin, phát hiện và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo; có kỹ năng tư duy, nghiên cứu độc lập, độc đáo, sáng tạo tri thức mới; có kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức, thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn; thể hiện năng lực sáng tạo, có khả năng tự định hướng và dẫn dắt chuyên môn, khả năng đưa ra các kết luận, khuyến cáo khoa học mang tính chuyên gia.

11.1. Kiến thức

- Phân tích được các phương pháp sàng lọc và đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng;
- Phân tích được vai trò, nhu cầu, chuyển hóa, hấp thu các chất dinh dưỡng để đánh giá và xây dựng khẩu phần cho các đối tượng;
- Phân tích được các bước trong lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng;
- Phân tích và giải thích được các bước chăm sóc dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng;
- Trình bày được các phương pháp, kỹ năng tư vấn, các bước thực hiện truyền thông giáo dục dinh dưỡng-ATTP cho người bệnh và cộng đồng;
- Phân tích các thành phần trong đề cương nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng và thực phẩm;
- Phân tích cấu trúc bài báo, báo cáo khoa học trong lĩnh vực dinh dưỡng và thực phẩm;
- Phân tích, trình bày các nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm và các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm.
- Phân loại, chẩn đoán về ngộ độc thực phẩm, các bệnh lây truyền qua thực phẩm và xây dựng các biện pháp phòng chống ngộ độc thực phẩm trong bệnh viện và cộng đồng;
- Phân tích được các quy định pháp luật trong luật an toàn thực phẩm, luật khám chữa bệnh, luật phòng chống bệnh truyền nhiễm trong bảo đảm dinh

dưỡng và an toàn thực phẩm.

- Trình bày hệ thống tổ chức, quản lý dinh dưỡng trong bệnh viện và trong cộng đồng.

- Giải thích quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;

- Phân tích, trình bày định hướng phát triển chuyên ngành dinh dưỡng trong nước và trên thế giới;

- Áp dụng các kiến thức về dinh dưỡng và thực phẩm trong vận động chính sách chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

11.2. Kỹ năng

- Thực hiện kỹ thuật cân đo nhân trắc cho người bệnh và cho cộng đồng;

- Nhận xét các kết quả xét nghiệm liên quan đến tình trạng dinh dưỡng;

- Sử dụng một số bộ công cụ để sàng lọc và đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng;

- Thực hiện phương pháp “Hỏi ghi khẩu phần 24 giờ qua”, khai thác được thói quen ăn uống để đánh giá và xây dựng khẩu phần cho các đối tượng;

- Sử dụng bảng thành phần hóa học thức ăn Việt Nam và phần mềm/đơn vị chuyển đổi thực phẩm để xây dựng, đánh giá khẩu phần cho các đối tượng;

- Xây dựng được kế hoạch can thiệp dinh dưỡng trong bệnh viện và trong cộng đồng;

- Thiết kế, triển khai và giám sát các hoạt động chăm sóc, can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh và cộng đồng;

- Xây dựng, triển khai chương trình truyền thông giáo dục dinh dưỡng cho các đối tượng cụ thể;

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng truyền thông, tư vấn dinh dưỡng và thực phẩm cho các đối tượng khác nhau;

- Áp dụng các loại thiết kế nghiên cứu trong xây dựng đề cương nghiên cứu dinh dưỡng và thực phẩm;

- Triển khai các nghiên cứu, viết báo cáo, bài báo khoa học trong nước và quốc tế về lĩnh vực dinh dưỡng, thực phẩm và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn tại đơn vị.

- Thực hiện một số kỹ thuật trong giám sát thực phẩm ở bệnh viện và cộng đồng;

- Thực hiện các cuộc điều tra vụ ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm tại cộng đồng và bệnh viện;

- Tham gia xây dựng các chương trình kiểm soát an toàn thực phẩm tại cơ sở ăn uống công cộng, cơ sở sản xuất chế biến thực phẩm;
- Áp dụng quy trình tổ chức và quản lý dinh dưỡng trong bệnh viện và cộng đồng;
- Tự học nâng cao hiểu biết về pháp luật, định hướng phát triển trong chuyên ngành dinh dưỡng và thực phẩm;
- Tham gia vận động, xây dựng chính sách dinh dưỡng và thực phẩm;
- Sử dụng thành thạo Tiếng Anh trong giao tiếp, chuẩn bị bài trình bày báo cáo chuyên môn bằng tiếng Anh theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo;
- Soạn thảo thành thạo các bài báo cáo, bài viết theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

11.3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- Tôn trọng khách hàng và người bệnh;
- Trung thực và bảo mật thông tin của khách hàng và người bệnh;
- Nhận thức được tầm quan trọng trong việc can thiệp dinh dưỡng và thực phẩm cho người bệnh và cộng đồng;
- Có thái độ giao tiếp tốt, hợp tác tốt với cá nhân, cộng đồng, đồng nghiệp và bên liên quan;
- Nhận thức được tầm quan trọng của nghiên cứu dinh dưỡng và thực phẩm, có tinh thần học tập và tích cực tham gia nghiên cứu khoa học nâng cao trình độ và kỹ năng;
- Nhận thức được mức độ quan trọng của vấn đề đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm tại bệnh viện cũng như cộng đồng;
- Nhận thức được tầm quan trọng của tổ chức và quản lý các hoạt động dinh dưỡng tại cộng đồng và bệnh viện;
- Tôn trọng pháp luật, của ngành và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp;
- Quan tâm đến các bên liên quan khi thực hiện vận động chính sách.

12. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Nhà quản lý/lãnh đạo, chuyên viên chính và cao cấp tại các bệnh viện, cơ sở y tế về chăm sóc dinh dưỡng công lập và tư nhân và quốc tế.
- Tại các bệnh viện, phòng khám: chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng (Dinh dưỡng hạng III, II, I);
- Tại các đơn vị nghiên cứu: ngạch nghiên cứu viên (Nghiên cứu viên chính và nghiên cứu viên cao cấp);
- Tại các cơ sở giáo dục đại học: Ngạch giảng viên (Giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp);

- Tại đơn vị quản lý: ngạch chuyên viên (Chuyên viên chính và cao cấp);
- Giảng viên hoặc nhà nghiên cứu, nhân viên cao cấp tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong lĩnh vực dinh dưỡng nói riêng và quản lý nói chung;
- Quản lý/lãnh đạo trong các công ty, đơn vị trong lĩnh vực dinh dưỡng, thực phẩm và chăm sóc sức khỏe.

13. Khối lượng kiến thức toàn khoá

- Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện Dinh dưỡng xây dựng, thẩm định và ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

+ Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ là 04 năm không tập trung liên tục;

+ Khối lượng học tập tối thiểu 96 tín chỉ;

- Kết cấu chương trình đào tạo bao gồm các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

- Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu. Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ đại học, thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Viện trưởng xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung theo quy định tại mục 16.1. Chương trình đào tạo các học phần bổ sung của Quyết định này.

- Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành hoặc chuyên ngành (sau đây gọi chung là ngành), phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

+ Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

+ Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

+ Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 06 học phần đến 09 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng từ 14 tín chỉ đến 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan đề tài luận án và 02 chuyên đề tiến sĩ do Viện trưởng quyết định là những học phần bắt buộc .

- Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

14. Tiêu chí tuyển sinh/Các yêu cầu đầu vào

1. Điều kiện về văn bằng:

a) Có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành: Dinh dưỡng, Tiết chế dinh dưỡng, Dinh dưỡng cộng đồng, Dinh dưỡng thể thao; hoặc

b) Có bằng thạc sĩ chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần với chuyên ngành Dinh dưỡng theo quy định;

c) Nếu chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên đúng ngành cử nhân Dinh dưỡng hoặc có ngành phù hợp với chuyên ngành dinh dưỡng theo quy định.

Văn bằng đúng ngành và ngành phù hợp của thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh quy định tại Phụ lục 1 kèm theo.

2. Điều kiện thâm niên công tác:

Thí sinh dự tuyển đào tạo tiến sĩ có trình độ thạc sĩ cần có kinh nghiệm nghiên cứu và/hoặc thâm niên công tác như sau:

a) Có luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu phù hợp với lĩnh vực đăng ký dự tuyển; hoặc

b) Có bài báo, báo cáo khoa học đã công bố phù hợp với lĩnh vực đăng ký dự tuyển; hoặc

c) Có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

Trường hợp tốt nghiệp thạc sĩ loại giỏi trở lên được xem xét để chuyển tiếp làm nghiên cứu sinh theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trình bày rõ các nội dung sau:

a) Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu;

b) Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh;

c) Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển);

d) Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn;

e) Kinh nghiệm (về nghiên cứu, thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác);

f) Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp;

g) Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).

4. Có đề cương đề tài nghiên cứu theo quy định.

5. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Thư giới

thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- e) Khả năng làm việc theo nhóm;
- f) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu làm nghiên cứu sinh.

6. Điều kiện công trình đã công bố:

a) Với những thí sinh có bằng thạc sĩ dinh dưỡng hoặc dinh dưỡng cộng đồng: là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

b) Những thí sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần hoặc chuyên ngành khác: là tác giả ít nhất 02 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký.

7. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ đối với người dự tuyển nghiên cứu sinh là công dân Việt Nam:

7.1. Thí sinh là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Hoặc Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Hoặc có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố theo quy định tại Phụ lục 3 kèm theo.

7.2. Thí sinh là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ thứ 2 do Viện trưởng quyết định, trừ trường hợp là người

bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ dinh dưỡng của Viện.

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện (đóng học phí hàng năm theo quy định).

9. Có giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

10. Hình thức thi tuyển nghiên cứu sinh:

- Xét hồ sơ đăng ký của thí sinh;
- Thi trình bày bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu của thí sinh.

15. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

15.1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy tại Viện Dinh dưỡng gồm có:

- a) Các học phần bổ sung;
- b) Các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

15.2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ dinh dưỡng:

Chương trình đào tạo Tiến sĩ dinh dưỡng theo tín chỉ, gồm tối thiểu 96 tín chỉ. Tổng số tín chỉ, tín chỉ bắt buộc và tín chỉ tự chọn tại bảng dưới đây:

TT	Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
I.	Đối với nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ đúng chuyên ngành			
1	Năm thứ 1	Các học phần đào tạo ở chương trình đào tạo tiến sĩ	17 tín chỉ Chứng nhận kết thúc học phần	Chứng nhận kết thúc học phần
2	Năm thứ 2	- Thông qua Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết đề tài nghiên cứu khoa học; - Thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của đề tài nghiên cứu; - Thực hiện phần 1 của Luận án	- Đến 02 tín chỉ; - Đến 01 tín chỉ - 09 tín chỉ	Chương tổng quan về vấn đề nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; chuyên đề
3	Năm thứ 3	- Thực hiện phần 2 của Luận án; - Cập nhật thông tin khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu	- Đến 30 tín chỉ - 02 tín chỉ	Luận án và các bài báo, báo cáo công bố...

TT	Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
4	Năm thứ 4	- Thực hiện phần 3 của Luận án; - Viết bài báo công bố các tạp chí; - Báo cáo hội nghị khoa học của nghiên cứu sinh.	Số tín chỉ còn lại của chương trình đào tạo 04 năm	Luận án và các bài báo, báo cáo công bố...
		Tổng	96 tín chỉ	
II.	Đối với nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần			
1	Năm thứ 1	Học bổ sung các học phần về chuyên môn chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành dinh dưỡng	33 tín chỉ Chứng nhận kết thúc học phần	Chứng nhận kết thúc học phần
2	Năm thứ 2	Các học phần đào tạo ở chương trình đào tạo tiến sĩ.	17 tín chỉ Chứng nhận kết thúc học phần	Chứng nhận kết thúc học phần
3	Năm thứ 3	- Thông qua Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết đề tài nghiên cứu khoa học; - Thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của đề tài nghiên cứu; - Thực hiện phần 1 của Luận án	- Đến 02 tín chỉ - Đến 01 tín chỉ - 09 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; chuyên đề
4	Năm thứ 4	- Thực hiện phần 2 của Luận án; - Cập nhật thông tin khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu - Thực hiện phần 3 của Luận án; - Viết bài báo công bố các tạp chí; - Báo cáo hội nghị khoa học của nghiên cứu sinh.	- Đến 30 tín chỉ - 02 tín chỉ - Số tín chỉ còn lại của chương trình đào tạo 04 năm	Luận án và các bài báo, báo cáo công bố...
		Tổng	129 tín chỉ	

TT	Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
III.	Đối với nghiên cứu sinh tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi trở lên có chuyên ngành đúng hoặc phù hợp chuyên ngành dinh dưỡng			
1	Năm thứ 1	Học bổ sung các học phần về cơ bản, cơ sở và chuyên môn của chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành dinh dưỡng	48 tín chỉ Chứng nhận kết thúc học phần	Chứng nhận kết thúc học phần
2	Năm thứ 2	Các học phần đào tạo ở chương trình đào tạo tiến sĩ	17 tín chỉ Chứng nhận kết thúc học phần	Chứng nhận kết thúc học phần
3	Năm thứ 3	- Thông qua Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết đề tài nghiên cứu khoa học; - Thông qua Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học của đề tài nghiên cứu; - Thực hiện phần 1 của Luận án	- Đến 02 tín chỉ - Đến 01 tín chỉ - 09 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu; phương pháp nghiên cứu; chuyên đề
4	Năm thứ 4	- Thực hiện phần 2 của Luận án; - Cập nhật thông tin khoa học trong lĩnh vực nghiên cứu - Thực hiện phần 3 của Luận án; - Viết bài báo công bố các tạp chí; - Báo cáo hội nghị khoa học của nghiên cứu sinh.	- Đến 30 tín chỉ - 02 tín chỉ - Số tín chỉ còn lại của chương trình đào tạo 04 năm	Luận án và các bài báo, báo cáo công bố...
		Tổng	144 tín chỉ	

15.3. Điều kiện tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ dinh dưỡng

Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ dinh dưỡng cho nghiên cứu sinh khi đáp ứng những yêu cầu sau:

- Đã học xong và đạt yêu cầu các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ theo quy định;

- Hoàn thành bảo vệ luận án cấp cơ sở và cấp Viện;

- Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của cơ sở đào tạo;

- Cơ sở đào tạo đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của nghiên cứu sinh trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi nghiên cứu sinh đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện Dinh dưỡng;

- Đã hoàn thành đủ nghĩa vụ kinh phí đào tạo theo quy định của Viện.

- Nghiên cứu sinh không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự; không bị khiếu nại, tố cáo về nội dung khoa học trong luận án; nghiên cứu sinh không có trong danh sách thẩm định hồ sơ/luận án của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc đã có công văn đồng ý xét cấp bằng tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu có trong danh sách thẩm định hồ sơ/luận án của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Sau thời hạn quy định, cơ sở đào tạo tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho nghiên cứu sinh. Hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

+ Biên bản của buổi đánh giá luận án tại cơ sở đào tạo;

+ Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án của cơ sở đào tạo;

+ Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn nghiên cứu sinh; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của người hướng dẫn và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có chỉnh sửa);

+ Những tài liệu khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

- Cơ sở đào tạo thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ dinh dưỡng có hiệu lực.

16. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ dinh dưỡng

16.1. Chương trình đào tạo các học phần bổ sung

a) Đối với nghiên cứu sinh tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi trở lên có chuyên ngành đúng hoặc phù hợp chuyên ngành dinh dưỡng

- Nghiên cứu sinh phải học và hoàn thành khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Dinh dưỡng là 48 tín chỉ. Trong đó: kiến thức cơ bản gồm 07 tín chỉ; kiến thức cơ sở và hỗ trợ gồm 08 tín chỉ; và kiến thức chuyên ngành gồm 33 tín chỉ.

- Khung chương trình đào tạo các học phần bổ sung của Thạc sĩ chuyên ngành Dinh dưỡng như sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
I. PHẦN KIẾN THỨC CƠ BẢN												
1.	Triết học	3	3	0	3							
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	2							
3.	Học phần tự chọn (chọn 1/4 học phần)	2	1	1	2							
	Thống kê tin học y học											
	Phương pháp sư phạm lâm sàng											
	Dịch tễ học lâm sàng											
	Phương pháp giảng dạy Đại học											
II. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ												
4.	Dịch tễ học cơ bản	4	2	2	4							
5.	Môn hỗ trợ (chọn 1 trong 2 môn)	4	2	2	4							
	Hóa sinh dinh dưỡng											
	Quản lý an toàn thực phẩm											
III. PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH												
6.	Kiến thức chung về Dinh	10	6	4		10						

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	đường và An toàn thực phẩm											
	<i>Dinh dưỡng cơ sở và lứa tuổi</i>	3	2	1								
	<i>Dinh dưỡng cộng đồng</i>	3	2	1								
	<i>Khoa học thực phẩm và an toàn thực phẩm</i>	4	2	2								
7.	Truyền thông, giáo dục dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	5	2	3		5						
8.	Dinh dưỡng lâm sàng	12	5	7		12						
9.	Môn tự chọn Học phần tự chọn (<i>Chọn 2 trong các môn sau</i>)	6	4	2		6						
	<i>Dinh dưỡng trong thể thao</i>	3	2	1								
	<i>Lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng và an toàn thực phẩm</i>	3	2	1								
	<i>Điều tra dinh dưỡng trong cộng đồng</i>	3	2	1								
	<i>Quản lý dinh dưỡng trong bệnh viện</i>	3	2	1								
	<i>Kinh tế dinh dưỡng và thực phẩm</i>	3	2	1								

- Viện Dinh dưỡng hướng dẫn trong thông báo tuyển nghiên cứu sinh hàng năm và sẽ tổ chức, gửi nghiên cứu sinh đến các cơ sở đào tạo thạc sĩ phù hợp theo quy định.

b) Đối với nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần chuyên ngành dinh dưỡng

- Nghiên cứu sinh phải học và hoàn thành khối lượng kiến thức chuyên ngành gồm 33 tín chỉ của chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Dinh dưỡng.

- Khung chương trình đào tạo các học phần kiến thức chuyên ngành bổ sung của chương Thạc sĩ chuyên ngành Dinh dưỡng như sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
1.	Kiến thức chung về Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm	10	6	4	10							
	<i>Dinh dưỡng cơ sở và lứa tuổi</i>	3	2	1								
	<i>Dinh dưỡng cộng đồng</i>	3	2	1								
	<i>Khoa học thực phẩm và an toàn thực phẩm</i>	4	2	2								
2.	Truyền thông, giáo dục dinh dưỡng và an toàn thực phẩm	5	2	3	5							
3.	Dinh dưỡng lâm sàng	12	5	7	12							
4.	Môn tự chọn Học phần tự chọn (Chọn 2 trong các môn sau)	6	4	2	6							
	<i>Dinh dưỡng trong thể thao</i>	3	2	1								
	<i>Lập kế hoạch can thiệp dinh</i>	3	2	1								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	<i>dưỡng và an toàn thực phẩm</i>											
	<i>Điều tra dinh dưỡng trong cộng đồng</i>	3	2	1								
	<i>Quản lý dinh dưỡng trong bệnh viện</i>	3	2	1								
	<i>Kinh tế dinh dưỡng và thực phẩm</i>	3	2	1								

- Viện Dinh dưỡng hướng dẫn trong thông báo tuyển nghiên cứu sinh hàng năm và sẽ tổ chức, gửi nghiên cứu sinh đến các cơ sở đào tạo thạc sĩ phù hợp theo quy định.

16.2. Chương trình đào tạo các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ

- Tất cả các nghiên cứu sinh phải học và hoàn thành khối lượng kiến thức các học phần ở trình độ tiến sĩ (gồm 17 tín chỉ của các học phần lý thuyết bắt buộc và tự chọn) và luận án tiến sĩ (bao gồm tổng quan tài liệu, đề cương, xây dựng bộ công cụ thu thập số liệu hoặc kế hoạch phân tích số liệu với đề tài sử dụng số liệu thứ cấp, phân tích số liệu, viết luận án, viết bài báo, báo cáo luận án) của chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Dinh dưỡng.

- Khung chương trình đào tạo các học phần kiến thức của chương đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Dinh dưỡng như sau:

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
I.	Dinh dưỡng cơ sở	3 (61 giờ)	2,5 (38 giờ)	0,5 (23 giờ)			3					
1.	<i>Bài lý thuyết:</i> Đại cương Dinh dưỡng học	2	2	0								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
2.	<u>Bài lý thuyết:</u> Chuyển hóa cơ bản và nhu cầu năng lượng của cơ thể người. <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tính nhu cầu năng lượng cho các trường hợp cụ thể	4	2	2								
3.	<u>Bài lý thuyết:</u> Phương pháp đo chuyển hóa cơ bản, tiêu hao năng lượng và ước tính mức độ hoạt động thể lực <u>Bài thực hành:</u> Thực hành ước tính mức hoạt động thể lực ở các đối tượng lao động	4	2	2								
4.	<u>Bài lý thuyết:</u> Vai trò, nhu cầu và quá trình chuyển hóa các chất sinh năng lượng của cơ thể người <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tính nhu cầu protein, lipid, glucid trong các trường hợp cụ thể. Kiến tập Labo	8	6	2								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
5.	<u>Bài lý thuyết:</u> Vai trò, nhu cầu và quá trình chuyển hóa các loại vitamin của cơ thể người <u>Bài thực hành:</u> Semina thảo luận (nghiên cứu về vitamin). Kiến tập Labo	8	4	4								
6.	<u>Bài lý thuyết:</u> Vai trò, nhu cầu và quá trình chuyển hóa các chất khoáng của cơ thể người <u>Bài thực hành:</u> Giới thiệu phương pháp xét nghiệm một số chất khoáng. Semina thảo luận (Nghiên cứu về khoáng chất).	8	4	4								
7.	<u>Bài lý thuyết:</u> Thực phẩm kiểm toan, nhu cầu nước và điện giải <u>Bài thực hành:</u> Cách Xác định khẩu phần Natri; Kiến tập Labo về phương pháp xác định hàm lượng Na, Kali và Clo trong nước tiểu	4	3	1								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
8.	<u>Bài lý thuyết:</u> Cấu trúc cơ thể người liên quan đến chuyển hóa dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Giới thiệu và quan sát một số phương pháp đo cấu trúc cơ thể và semina thảo luận.	5	4	1								
9.	<u>Bài lý thuyết:</u> Hệ vi sinh vật đường tiêu hóa và dinh dưỡng cơ thể <u>Bài thực hành:</u> Giới thiệu các bước trong phân tích hệ vi sinh vật sử dụng dữ liệu giải trình tự gen (hướng dẫn thông qua video)	4	2	2								
10.	<u>Bài lý thuyết:</u> Tương tác thuốc và thực phẩm	2	2	0								
11.	<u>Bài lý thuyết:</u> Quan hệ gen và dinh dưỡng ở người <u>Bài thực hành:</u> Semina thảo luận: Vai trò của các chất dinh dưỡng tác động vào gen và ngược lại trong phòng bệnh	4	2	2								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
12.	<u>Bài lý thuyết:</u> Phương pháp lấy mẫu, bảo quản mẫu và khống chế sai số với các chỉ tiêu xét nghiệm liên quan đến dinh dưỡng. <u>Bài thực hành:</u> Semina thảo luận: Đảm bảo chất lượng trước xét nghiệm.	2	1	1								
13.	<u>Bài lý thuyết:</u> Tổng quan về Dinh dưỡng tế bào và các rối loạn chuyển hóa dinh dưỡng thường gặp	4	4	0								
14.	Kiểm tra hết môn	2	0	2								
II.	Dịch tễ học dinh dưỡng và thống kê	3 (75 giờ)	2 (30 giờ)	1 (45 giờ)			2					
1.	<u>Bài lý thuyết:</u> Tổng quan về nguyên lý dịch tễ học dinh dưỡng	2	2	0								
2.	<u>Bài lý thuyết:</u> Hệ thống giám sát dinh dưỡng: nội dung các giai đoạn phát triển ngành dinh dưỡng trên thế giới và Việt Nam	2	2	0								
3.	<u>Bài lý thuyết:</u> Phương pháp nghiên cứu khoa học trong dinh dưỡng	4	4	0								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
4.	<u>Bài lý thuyết:</u> Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học	2	2	0								
5.	<u>Bài thực hành:</u> Chọn mẫu, cỡ mẫu, lực mẫu trong nghiên cứu dịch tễ học dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Tính toán cỡ mẫu và chọn mẫu trong nghiên cứu dịch tễ học dinh dưỡng	4	2	2								
6.	<u>Bài lý thuyết:</u> Các sai số, nhiễu thường gặp trong nghiên cứu dinh dưỡng và biện pháp kiểm soát <u>Bài thực hành:</u> Xác định sai số, nhiễu và cách xử lý	4	2	2								
7.	<u>Bài lý thuyết:</u> Nghiên cứu định tính và định lượng trong khảo sát điều tra và phân tích, xử lý số liệu <u>Bài thực hành:</u> Thiết kế nghiên cứu định lượng kết hợp định tính và xây dựng bộ công cụ đánh giá	6	2	4								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
8.	<u>Bài lý thuyết:</u> Phương pháp thiết kế và phân tích các yếu tố trong nghiên cứu dịch tễ học dinh dưỡng: liên quan, tương quan, nguy cơ, ảnh hưởng. <u>Bài thực hành:</u> Tính giá trị đo lường các mức độ liên quan	8	4	4								
9.	<u>Bài thực hành:</u> Thiết kế điều tra giám sát dinh dưỡng định kì (periodic) và không định kì (non-periodic)	9	0	9								
10.	<u>Bài lý thuyết:</u> Phương pháp phân tích, xử lý số liệu trong các nghiên cứu can thiệp dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Tính các chỉ số đánh giá hiệu quả can thiệp cho biến định lượng và biến định tính	8	2	6								
11.	<u>Bài lý thuyết:</u> Phương pháp nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng trong nghiên cứu dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Sử dụng ước tính Kaplan-Meier trong phân tích sống còn (Survival analysis).	4	2	2								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
12.	<u>Bài lý thuyết:</u> Thống kê, xử lý số liệu, các kiểm định thống kê thường gặp trong nghiên cứu dinh dưỡng và trình bày số liệu nghiên cứu khoa học dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Trình bày số liệu nghiên cứu khoa học dinh dưỡng	10	2	8								
13.	<u>Bài lý thuyết:</u> Hướng dẫn viết bài báo đăng tạp chí khoa học	2	2	0								
14.	<u>Bài lý thuyết:</u> Thực hành sử dụng phần mềm EpiInfo nhập số liệu và phần mềm STATA trong phân tích số liệu về dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Sử dụng phần mềm STATA trong phân tích số liệu về dinh dưỡng	10	2	8								
III.	Dinh dưỡng cộng đồng	4 (90 giờ)	3 (45 giờ)	1 (45 giờ)			3					
1.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng theo chu kỳ vòng đời <u>Bài thực hành:</u> Trao đổi về nguyên tắc chung dinh dưỡng theo chu kỳ vòng đời	4	2	2								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
2.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời <u>Bài thực hành:</u> Thực hành xây dựng cây vấn đề nguyên nhân, hậu quả của suy dinh dưỡng thấp còi trong 1000 ngày đầu đời	6	3	3								
3.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng cho trẻ em từ 2-5 tuổi <u>Bài thực hành:</u> Thực hành xác định vấn đề dinh dưỡng và hướng xử trí, tư vấn dinh dưỡng cho trẻ em 2-5 tuổi theo các trường hợp thực hành (suy dinh dưỡng thể gầy còm, nuôi dưỡng, thừa cân, béo phì, mắc bệnh nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy)	5	3	2								
4.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng cho trẻ em từ 6-18 tuổi <u>Bài thực hành:</u> Xây dựng kế hoạch can thiệp cải thiện bữa ăn học đường và giáo dục dinh dưỡng cho học sinh	4	2	2								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
5.	<u>Bài lý thuyết:</u> Các thể suy dinh dưỡng tại cộng đồng (nhẹ cân, thấp còi, gầy còm, thừa cân béo phì, thiếu vi chất dinh dưỡng) <u>Bài thực hành:</u> Thực hành xác định mức độ SDD các thể tại cộng đồng dựa trên bộ số liệu sẵn có	6	3	3								
6.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng cho người trưởng thành <u>Bài thực hành:</u> Thực hành sử dụng Tháp dinh dưỡng và ứng dụng trong bữa ăn tại gia đình (bài tập tình huống)	5	3	2								
7.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú <u>Bài thực hành:</u> Thực hành xác định vấn đề dinh dưỡng, thực hành chăm sóc và tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú (phụ nữ có thai không tăng cân, tăng cân kém, phụ nữ có thai bị thừa cân béo phì, đái tháo đường, mẹ không có sữa)	5	3	2								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
8.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng cho người cao tuổi <u>Bài thực hành:</u> Thực hành sử dụng Tháp dinh dưỡng và ứng dụng trong bữa ăn hàng ngày của người cao tuổi (bài tập tình huống)	4	2	2								
9.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng nghề nghiệp <u>Bài thực hành:</u> Xây dựng kế hoạch can thiệp cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho người lao động	4	2	2								
10.	<u>Bài lý thuyết:</u> Đánh giá nhân trắc và phân loại tình trạng dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Thực hành đánh giá tình trạng dinh dưỡng theo lứa tuổi	5	2	3								
11.	<u>Bài lý thuyết:</u> Điều tra và đánh giá khẩu phần <u>Bài thực hành:</u> Thực hành thu thập số liệu khẩu phần cá thể 24 giờ	8	3	5								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
12.	<u>Bài lý thuyết:</u> Đánh giá hoạt động thể lực <u>Bài thực hành:</u> Thực hành đánh giá mô hình hoạt động thể lực, năng lượng tiêu hao dựa vào máy đếm bước chân (áp dụng với học viên, tự theo dõi bản thân và làm nhật ký hoạt động thể lực, nộp lại bài báo cáo cho giảng viên)	6	3	3								
13.	<u>Bài lý thuyết:</u> Lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Thực hành lập kế hoạch can thiệp dinh dưỡng tại cộng đồng	5	2	3								
14.	<u>Bài lý thuyết:</u> Các can thiệp dinh dưỡng cộng đồng và các chương trình quốc gia về dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Hướng dẫn theo dõi và đánh giá các chương trình can thiệp dinh dưỡng	6	3	3								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
15.	<u>Bài lý thuyết:</u> Giáo dục truyền thông dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Xây dựng kế hoạch truyền thông giáo dục dinh dưỡng trường học và tại cộng đồng	7	3	4								
16.	<u>Bài lý thuyết:</u> Giám sát dinh dưỡng (gồm giám sát định kỳ, điểm, khẩn cấp) <u>Bài thực hành:</u> Xác định chỉ số giám sát phù hợp và lập kế hoạch giám sát	5	3	2								
17.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng và hệ thống thực phẩm, nông nghiệp, môi trường <u>Bài thực hành:</u> Xây dựng khung logic về dinh dưỡng và các yếu tố liên quan trong hệ thống thực phẩm tại địa phương	5	3	2								
IV	Dinh dưỡng Lâm sàng	2 tín chỉ (47 giờ)	1.5 tín chỉ (23 giờ)	0,5 tín chỉ (24 giờ)			2					
1.	<u>Bài lý thuyết:</u> Nguyên tắc dinh dưỡng tiết chế	3	3	0								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
2.	<u>Bài lý thuyết:</u> Quy trình can thiệp, chăm sóc dinh dưỡng ở bệnh viện <u>Bài thực hành:</u> Xây dựng quy trình can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh tại bệnh viện.	12	4	8								
3.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng điều trị trong bệnh đái tháo đường <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người ĐTĐ	8	4	4								
4.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng điều trị trong bệnh thận mạn <u>Bài thực hành:</u> Can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh thận mạn	8	4	4								
5.	<u>Bài lý thuyết:</u> Liệu pháp dinh dưỡng điều trị nhi khoa <u>Bài thực hành:</u> Can thiệp dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, biếng ăn, thừa cân béo phì	8	4	4								
6.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng điều trị trong ung thư <u>Bài thực hành:</u> Can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh ung thư	8	4	4								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
V.	Khoa học thực phẩm và an toàn thực phẩm	2 tín chỉ (48 giờ)	1,5 tín chỉ (24 giờ)	0,5 tín chỉ (24 giờ)			2					
1.	<u>Bài lý thuyết:</u> Thành phần dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm và các biện pháp kiểm soát	4	4	0								
2.	<u>Bài lý thuyết:</u> Biến đổi hóa học của thực phẩm trong quá trình bảo quản, chế biến và tác động đến dinh dưỡng và an toàn của thực phẩm	2	2	0								
3.	<u>Bài lý thuyết:</u> Bảng thành phần hoá học và các chất dinh dưỡng trong thực phẩm Việt Nam <u>Bài thực hành:</u> Thực hành xây dựng khẩu phần ăn cho từng đối tượng, tính toán giá trị dinh dưỡng trong chế độ ăn	6	2	4								
4.	<u>Bài lý thuyết:</u> Ứng dụng của vi sinh vật trong chế biến, cải thiện và bảo quản thực phẩm	2	2	0								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
5.	<u>Bài lý thuyết:</u> Giới thiệu thực phẩm biến đổi gen, thực phẩm tăng cường sinh học (bio – fortification), sinh học tổng hợp thực phẩm và các ứng dụng, thịt nhân tạo và các vấn đề khác có liên quan.	2	2	0								
6.	<u>Bài lý thuyết:</u> Giới thiệu về thực phẩm chế biến sẵn, thực phẩm công thức, các thành phần sử dụng trong thực phẩm công thức, và các chất phụ gia thường được sử dụng trong thực phẩm <u>Bài thực hành:</u> - Thực hành xây dựng một số công thức thực phẩm. - Hướng dẫn sử dụng phụ gia thực phẩm	6	2	4								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
7.	<u>Bài lý thuyết:</u> Vệ sinh an toàn thực phẩm <u>Bài thực hành:</u> - Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng chống ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm (do tác nhân hoá học, độc tố tự nhiên và tác nhân vi sinh vật). - Kiểm nghiệm các chỉ tiêu đánh giá về vệ sinh, an toàn thực phẩm.	10	2	8								
8.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dịch tễ học ngộ độc thực phẩm <u>Bài thực hành:</u> Hướng dẫn điều tra vụ ngộ độc thực phẩm.	6	2	4								
9.	<u>Bài lý thuyết:</u> Bệnh truyền qua thực phẩm	2	2	0								
10.	<u>Bài lý thuyết:</u> Thực phẩm chức năng: Đặc điểm, thành phần, phân loại thực phẩm chức năng	2	2	0								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
11.	<u>Bài lý thuyết:</u> Phân tích nguy cơ trong đảm bảo an toàn thực phẩm chức năng <u>Bài thực hành:</u> Hướng dẫn xây dựng đề cương đánh giá nguy cơ ô nhiễm hoá học, vi sinh vật trong thực phẩm	6	2	4								
VI.	Dinh dưỡng bệnh không lây nhiễm	3 tín chỉ	2,5 tín chỉ (39 giờ)	0,5 tín chỉ (22 giờ)			2					
1.	<u>Bài lý thuyết:</u> Tổng quan về dinh dưỡng và các bệnh không lây nhiễm (khái niệm, chính sách, quản lý, giám sát, yếu tố nguy cơ và phòng chống theo vòng đời...)	2	2	0								
2.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng dự phòng và điều trị bệnh đái tháo đường <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh ĐTĐ	5	3	2								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
3.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng dự phòng và điều trị bệnh tăng huyết áp <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh Tăng huyết áp	5	3	2								
4.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng dự phòng và điều trị bệnh tim mạch <u>Bài thực hành:</u> Tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh tim mạch	5	3	2								
5.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng bệnh COPD và bệnh hen phế quản <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh COPD và bệnh hen phế quản	7	5	2								
6.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng dự phòng và điều trị bệnh ung thư <u>Bài thực hành:</u> Sàng lọc, đánh giá và tư vấn một số vấn đề thường gặp ở người bệnh ung thư	5	3	2								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lí thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
7.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng dự phòng và điều trị rối loạn lipid máu <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh rối loạn lipid máu	5	3	2								
8.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng dự phòng và điều trị loãng xương <u>Bài thực hành:</u> Tên bài thực hành: Thực hành tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng dự phòng và hỗ trợ điều trị Loãng xương	5	3	2								
9.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng dự phòng và điều trị thừa cân và bệnh béo phì <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng cho thừa cân-béo phì	5	3	2								
11.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng dự phòng và điều trị thiếu máu dinh dưỡng <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh bị thiếu máu dinh dưỡng	5	3	2								

TT	Tên học phần	Số tín chỉ			Tiến trình theo học kỳ							
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
12.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng, dự phòng và chăm sóc loét bàn chân do biến chứng của bệnh đái tháo đường <u>Bài thực hành:</u> Kỹ thuật chăm sóc vết loét bàn chân do biến chứng của bệnh đái tháo đường	4	2	2								
13.	<u>Bài lý thuyết:</u> Dinh dưỡng dự phòng bệnh gout <u>Bài thực hành:</u> Thực hành tư vấn và xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh Gout	5	3	2								
14.	<u>Bài lý thuyết:</u> Thành phần cơ thể người và mối liên quan đối với một số bệnh không lây nhiễm	2	2	0								
15.	Kiểm tra đánh giá môn học	1	1	0								
	Tổng cộng	17 tín chỉ (382 giờ)	13 tín chỉ (199 giờ)	4 tín chỉ (183 giờ)								

Ghi chú: Một tín chỉ dạy học trên lớp yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng lý thuyết; 30 giờ thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

- Nghiên cứu sinh học tập và đánh giá hoàn thành khối lượng kiến thức các học phần ở trình độ tiến sĩ tại Viện Dinh dưỡng theo quy định.

17. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

17.1. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình;
- Thực hành;

- Thảo luận nhóm;
- Bài tập dựa trên tình huống/vấn đề (cá nhân/nhóm) tại hội trường;
- Thực hành tại phòng Labo máy tính, Labo tiết chế...
- Đi thu thập số liệu tại địa phương/tại bệnh viện/cơ sở nghiên cứu ...
- Tổng hợp, xử lý số liệu, viết luận án.

17.2. Phương pháp đánh giá kết quả học tập:

Đánh giá kết thúc (thi tốt nghiệp) - Bảo vệ luận văn tốt nghiệp thạc sĩ từ 5,5 điểm trở lên

17.2.1. Đánh giá các học phần

- Đánh giá quá trình: Điểm thực hành/bài tập/chuyên cần (dưới 50% tổng số điểm); Điểm thi kết thúc học phần (trên 50% tổng số điểm).

- Đánh giá theo thang điểm 10 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định quản lý đào tạo của Viện Dinh dưỡng. Điểm xếp loại:

- + Điểm dưới 5,0: xếp loại không đạt;
- + Từ 5,0 đến 6,99: loại trung bình;
- + Từ 7,0 đến 8,99: loại khá;
- + Từ 9,0 đến 9,49: loại giỏi;
- + Từ 9,5 trở lên: xuất sắc.

17.2.2. Đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề

Điểm đánh giá tiểu luận tổng quan và chuyên đề theo thang điểm 10, điểm tiểu luận tổng quan và chuyên đề là trung bình cộng các phiếu hợp lệ của các thành viên Hội đồng có mặt, lấy đến hai chữ số sau dấu phẩy (không cần làm tròn). Trong đó, xếp loại:

- + Điểm dưới 5,0: xếp loại không đạt;
- + Từ 5,0 đến 6,99: loại trung bình;
- + Từ 7,0 đến 8,99: loại khá;
- + Từ 9,0 đến 9,49: loại giỏi;
- + Từ 9,5 trở lên: xuất sắc.

Nếu tiểu luận tổng quan, chuyên đề có điểm xếp loại không đạt, nghiên cứu sinh phải bảo vệ lại. Thời gian để bảo vệ lại trong vòng 3 tháng kể từ ngày bảo vệ lần trước.

17.2.3. Đánh giá tại Hội đồng bảo vệ luận án cơ sở

- Hội đồng gồm ít nhất 7 thành viên, có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ ở trong và ngoài Viện, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Hội đồng gồm Chủ tịch, ủy viên thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Kết quả đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Viện Dinh dưỡng.

17.2.4. Đánh giá tại Hội đồng bảo vệ luận án cấp Viện:

- Hội đồng gồm ít nhất 7 thành viên, trong đó: số thành viên là tiến sĩ chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư không quá 2 người; số thành viên ngoài Viện tối thiểu là 2 người.

- Kết quả đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Viện Dinh dưỡng.

18. Tài liệu đào tạo tiến sĩ dinh dưỡng

18.1. Tài liệu học tập chính:

- Chương trình môn Triết học do Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007). Giáo trình Triết học, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2020). Phương pháp nghiên cứu trong y sinh học (Tập 1 - Lập kế hoạch trong nghiên cứu), Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2013). Thống kê Y học cơ bản, Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2013). Thực hành thống kê và tin học y học, Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2020). Truyền Thông và Nâng cao sức khỏe - Sách đào tạo Sau đại học- Nhà xuất bản Y học.

- Giáo trình lý thuyết Dịch tễ học. Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà nội, Nhà xuất bản Y học.

- Lê Hoàng Ninh (2011), Phương pháp chọn mẫu và xác định cỡ mẫu trong nghiên cứu y học, Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2013). Giáo trình thực hành Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học.

- Hoàng Văn Minh, Lưu Ngọc Hoạt (2020). Phương pháp chọn mẫu và tính toán cơ mẫu trong nghiên cứu khoa học sức khỏe. Trường Đại học Y tế công cộng.

- PGS.TS. Lê Thị Hợp, GS.TSKH. Hà Huy Khôi, Dinh dưỡng và gia tăng tăng trưởng của người Việt Nam.

- GS.TSKH. Hà Huy Khôi, PGS.TS. Lê Thị Hợp (2012). Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng, Nhà xuất bản Y học.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2016). Dinh dưỡng cơ sở. Nhà xuất bản Y học.
- Viện Dinh dưỡng, Bộ Y tế (2016). Giá trị dinh dưỡng 500 món ăn thông dụng. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Viện Dinh dưỡng (2017). Bảng thành phần thức ăn Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng (2016). Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam. Nhà xuất bản Y học.
- Viện Dinh dưỡng (2017). Khuyến nghị Dinh dưỡng trong 1000 ngày vàng, Nhà xuất bản Y học.
- Viện Dinh dưỡng (2012). Phương pháp nhân trắc trong đánh giá dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi. Nhà xuất bản Y học.
- Đại học Y Hà Nội (2012). Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm. NXB Y học.
- Viện Dinh dưỡng (2017). Dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và bà mẹ cho con bú.
- Lâm Quốc Hùng (2012). Dịch tễ học ngộ độc thực phẩm, Tài liệu giảng dạy tại trường Đại học Y tế công cộng.
- GS.TS. Nguyễn Công Khanh, TS. Lâm Quốc Hùng và CS (2010). Kiểm soát ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm (Tài liệu nội bộ), Cục An toàn thực phẩm.
- PGS.TS. Trần Đáng (2019). Phòng chống ngộ độc thực phẩm tại cộng đồng, NXB Y học.
- TS. Nguyễn Hùng Long, TS. Lâm Quốc Hùng, PGS.TS. Trần Đáng và CS (2015). Giám sát ngộ độc thực phẩm, NXB Y học.
- PGS.TS. Trần Đáng, GS.TSKH. Hoàng Tích Huyền, TS. Lâm Quốc Hùng và CS (2017). Thực phẩm Chức năng, NXB Y học.
- PGS.TS. Trần Đáng, TS. Nguyễn Thanh Phong, TS. Lâm Quốc Hùng và CS. Phân tích nguy cơ và kiểm soát, NXB Y học.
- Viện Dinh dưỡng. Dinh dưỡng lâm sàng (2019), Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Y tế (2016). Hướng dẫn chế độ ăn Bệnh viện, Nhà xuất bản Y học năm.
- Viện Dinh dưỡng. Tháp Dinh dưỡng cho người trưởng thành, Nhà xuất bản Y học.
- PGS.TS. Trần Đáng, TS. Nguyễn Thanh Phong, TS. Lâm Quốc Hùng và CS. Truy xuất nguồn gốc thực phẩm, NXB Y học.
- PGS.TS. Trần Đáng, TS. Nguyễn Thanh Phong, TS. Lâm Quốc Hùng và CS. An toàn thực phẩm đối với chất béo, NXB Y học.

- Viện Dinh dưỡng (2022). Cẩm nang truyền thông giáo dục dinh dưỡng cho học sinh và trẻ em tuổi vị thành niên.
- Viện Dinh dưỡng (2015). Chăm sóc dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em. Nhà xuất bản Dân trí.
- Hà Huy Khôi, Lê Thị Hợp (2012). Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng. Nhà xuất bản Y học.
- Viện Dinh dưỡng (2017). Hướng dẫn sử dụng tháp dinh dưỡng cho trẻ 12-14 tuổi.
- Viện Dinh dưỡng (2019). Dinh dưỡng cho trẻ lứa tuổi mầm non. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
- Tạ Thành Văn (2019). Hoá sinh- sách đào tạo bác sỹ đa khoa. Nhà xuất bản Y học.
- Bộ môn dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Nhà xuất bản Y học.
- Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn dinh dưỡng và an toàn thực phẩm (2016). Dinh dưỡng cơ sở. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2016). Dinh dưỡng cộng đồng. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2016), Khoa học thực phẩm. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2016). Truyền thông giáo dục dinh dưỡng và an toàn thực phẩm. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2016). Dinh dưỡng lâm sàng và tiết chế. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội. Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2016). Thực hành Dinh dưỡng lâm sàng và tiết chế. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Y Hà Nội (2012). Thực hành dinh dưỡng và An toàn thực phẩm. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
- Trường Đại học Nông nghiệp (2006). Kinh tế vĩ mô (Bài giảng phát tay của giảng viên).
- Lưu Ngọc Hoạt (2016). Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu. Nhà xuất bản Y học.
- Present knowlegde in Nutrition, 8th edition.
- Bernadette P. Marriott, Diane F. Birt, et al, (2020); Present knowledge in Nutrition, basic nutrition and metabolism 11th. 2020.

- Wayne W Daniel (2000), Biostatistics: A foundation for analysis in the health science, 7th edition, 2000.

- S.K Lwanga, S Lemeshow (1991), Sample size determination in health studies, WHO, 1991.

18.2. Tài liệu tham khảo:

- Viện Dinh dưỡng, Tình hình dinh dưỡng, chiến lược can thiệp 2011-2020 và định hướng 2021-2030.

- Chiến lược Quốc gia về Dinh dưỡng giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045.

- Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các Chương trình mục tiêu quốc gia khác liên quan đến dinh dưỡng.

- Viện Dinh dưỡng (2021), Giá trị dinh dưỡng một số món ăn đường phố và thức ăn nhanh. Nhà xuất bản dân trí.

- Viện Dinh dưỡng (2015), Suy dinh dưỡng thấp còi và thực hành phòng chống. Nhà xuất bản Y học năm.

- Viện Dinh dưỡng (2015), Tài liệu phòng chống thừa cân, béo phì ở trẻ em.

- Tạ Thành Văn (2011). Hoá sinh - sách đào tạo hệ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học. Nhà xuất bản y học.

- Hồ Thị Hiền (2023). Giáo trình phương pháp nghiên cứu định tính. Nhà xuất bản Lao Động.

- Nguyễn Văn Tuấn (2020). Mô hình hồi quy và khám phá khoa học. Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

- Nguyễn Văn Tuấn (2015). Y học Thực Chứng. Nhà xuất bản Y học, 2015.

- Hoàng Văn Minh (2019). Phương pháp nghiên cứu can thiệp: Thiết kế và phân tích thống kê. Nhà xuất bản Y học.

- Nguyễn Văn Tuấn (2020). Từ nghiên cứu đến công bố: kỹ năng mềm cho nhà khoa học. Nhà xuất bản Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

- Đại học Điều dưỡng Nam Định (2023). Giáo trình dinh dưỡng cơ sở. Nhà xuất bản giáo dục.

- Lưu Ngân Tâm (2019). Hướng dẫn dinh dưỡng trong điều trị bệnh nhân nặng. Nhà xuất bản y học Hà Nội.

- Quyết định 5481/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đái tháo đường típ 2.

- Hướng dẫn thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh Đái tháo đường (2020), Nhà xuất bản Y học.

- Hướng dẫn thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh Đái tháo đường có thừa cân béo phì, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia 2022.

- Bộ Y tế: Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh suy dinh dưỡng cấp tính ở trẻ từ 0 đến 72 tháng tuổi. Quyết định số 4487/QĐ-BYT ngày 18/8/2016 của Bộ Y tế.

- Trường Đại học Y Hà Nội (2019). Dinh dưỡng trong dự phòng và điều trị ung thư. Nhà xuất bản Y học.

- Dinh dưỡng cho người bệnh ung thư (2022). Nhà xuất bản Y học.

- Hướng dẫn thực hành của ESPEN: Dinh dưỡng lâm sàng trong ung thư 2021. ESPEN.

- Lê Hoàng Ninh và CS (2011). Các bệnh lây truyền từ thực phẩm: Lâm sàng, dịch tễ điều tra bùng phát dịch, Nhà xuất bản Y học.

- Quyết định số 5904/QĐ-BYT ngày 20/12/2019 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế xã” (trang 8-34)

- Hướng dẫn thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh Đái tháo đường, Nhà xuất bản Y học 2020.

- Hướng dẫn thực hành xây dựng chế độ dinh dưỡng cho người bệnh Đái tháo đường có thừa cân béo phì, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia 2022.

- Quyết định số 3192/QĐ-BYT ngày 31/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị tăng huyết áp.

- Quyết định số 5904/QĐ-BYT ngày 20/12/2019 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về ban hành tài liệu chuyên môn “Hướng dẫn chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế xã”.

- Quyết định số 5333/QĐ-BYT ngày 23/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Ban hành tài liệu chuyên môn dự phòng tiên phát bệnh tim mạch

- Quyết định số 2248/QĐ-BYT ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị Hội chứng mạch vành mạn

- Bài giảng phát tay của giảng viên;

- Các bài báo khoa học trong nước, quốc tế - Trường Đại học Y Hà Nội (2006). Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội. - Trường Đại học Y Hà Nội.

- Genetically Modified Organisms in Food: Production, Safety, Regulation and Public Health (2015), Academic Press.

- FAO (2021). Food Systems, Diets, and Nutrition

- Cederholm T et al (2017). ESPEN guidelines on definitions and terminology of clinical nutrition. Clinical Nutrition.

- Martha H. Stipanuk, Marie A. Caudill (2013). Biochemical, Physiological, and Molecular Aspects of Human Nutrition. Third Edition. Elsevier.
- Judith E. Brown (2019). Nutrition Through the Life Cycle. 7th Edition, 2019.
- Barrie M. Margetts, Michael Nelson (1997). Design concepts in Nutritional Epidemiology. 2nd Edition, Oxford University Press. 1997.

19. Danh sách giảng viên tại cơ sở đào tạo Viện Dinh dưỡng

19.1. Danh sách giảng viên cơ hữu năm 2024 của Viện Dinh dưỡng

TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Đơn vị công tác
1	Lê Danh Tuyên	GS.TS	Viện Dinh dưỡng
2	Trần Thanh Dương	PGS.TS	Viện Dinh dưỡng
3	Trương Tuyết Mai	PGS.TS	Viện Dinh dưỡng
4	Trần Thúy Nga	PGS. TS	Viện Dinh dưỡng
5	Trần Quang Bình	PGS.TS	Viện Dinh dưỡng
6	Bùi Thị Nhung	PGS.TS	Viện Dinh dưỡng
7	Vũ Thị Thu Hiền	PGS.TS	Viện Dinh dưỡng
8	Trần Thành Đô	TS	Viện Dinh dưỡng
9	Lâm Quốc Hùng	TS	Viện Dinh dưỡng
10	Phan Bích Nga	TS	Viện Dinh dưỡng
11	Nghiêm Nguyệt Thu	TS	Viện Dinh dưỡng
12	Nguyễn Trọng Hưng	TS	Viện Dinh dưỡng
13	Huỳnh Nam Phương	TS	Viện Dinh dưỡng
14	Nguyễn Song Tú	TS	Viện Dinh dưỡng
15	Trần Khánh Vân	TS	Viện Dinh dưỡng
16	Nguyễn Thị Hồng Minh	TS	Viện Dinh dưỡng
17	Nguyễn Đỗ Vân Anh	TS	Viện Dinh dưỡng
18	Nguyễn Thị Diệp Anh	TS	Viện Dinh dưỡng
19	Hoàng Thu Nga	TS	Viện Dinh dưỡng
20	Tuấn Mai Phương	TS	Viện Dinh dưỡng
21	Vũ Văn Tấn	TS	Viện Dinh dưỡng
22	Nguyễn Thu Hà	TS	Viện Dinh dưỡng
23	Nguyễn Thị Lương Hạnh	TS	Viện Dinh dưỡng
24	Nguyễn Văn Sỹ	TS	Viện Dinh dưỡng
25	Hoàng Thị Đức Ngân	TS	Viện Dinh dưỡng
26	Nguyễn Quốc Anh	TS	Viện Dinh dưỡng
27	Trần Châu Quyên	TS	Viện Dinh dưỡng
28	Nguyễn Duy Sơn	TS	Viện Dinh dưỡng

19.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tại cơ sở đào tạo Viện Dinh dưỡng

TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Đơn vị công tác
1	Nguyễn Văn Ba	GS. TS	Học viên Quân Y
2	Trần Văn Thuận	GS.TS	Bộ Y tế
3	Vũ Thị Minh Thục	GS.TSKH	Đại học Thành Đông
4	Nguyễn Công Khẩn	GS.TS	Đại học Thăng Long
5	Phan Thị Kim	GS.TS	Chủ tịch Hội khoa học kỹ thuật An toàn thực phẩm Việt Nam
6	Lê Thị Hợp	GS.TS	Hội Nữ tri thức Việt Nam
7	Phạm Văn Phú	PGS.TS	Đại học Y Hà Nội
8	Nguyễn Văn Chuyên	PGS. TS	Học viên Quân Y
9	Phùng Ngọc Hải	PGS.TS	School of Medicine and Dentistry – Faculty of Health – Griffith University
10	Lã Ngọc Quang	PGS.TS	Đại học Y tế Công cộng
11	Đinh Hồng Dương	PGS.TS	Học viên Quân Y
12	Nguyễn Đăng Vững	PGS.TS	Đại học Y Hà Nội
13	Đỗ Thị Thanh Toàn	PGS.TS	Đại học Y Hà Nội
14	Lê Bạch Mai	PGS.TS	Hội Dinh dưỡng
15	Nguyễn Thị Liên Hương	PGS.TS	Bộ Y tế
16	Lương Thị Mai Anh	PGS.TS	Cục Môi trường Y tế, Bộ Y tế
17	Lê Thị Hồng Hạnh	PGS.TS	Bệnh Viện Nhi TW
18	Nguyễn Thị Lâm	PGS.TS	Hội Dinh dưỡng
19	Nguyễn Trung Anh	PGS.TS	Bệnh Viện Lão Khoa
20	Vũ Văn Du	PGS.TS	Bệnh Viện Phụ sản TW
21	Lê Ngọc Tuyền	PGS.TS	BV Răng hàm Mặt TW
22	Phan Hương Dương	PGS.TS	Bệnh Viện Nội tiết TW
23	Đỗ Đình Tùng	PGS. TS	Bệnh Viện đa khoa Xanh - pôn
24	Nguyễn Quang Dũng	PGS.TS	Đại học Y Hà Nội
25	Lê Thị Hồng Hào	PGS. TS	Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Thực phẩm Quốc gia
26	Nguyễn Ngô Quang	TS	Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế
27	Lưu Quốc Toàn	TS	Đại học Y tế Công cộng
28	Hà Anh Đức	TS	Bộ Y tế
29	Hoàng Minh Đức	TS	Bệnh Viện 103

TT	Họ và tên	Học hàm học vị	Đơn vị công tác
30	Hoàng Thị Hải Vân	TS	Đại học Y Hà Nội
31	Phạm Đức Minh	TS	Bệnh Viện 103
32	Nghiêm Trung Dũng	TS	Bệnh Viện Bạch Mai
33	Mai Trọng Hưng	TS	Bệnh Viện Phụ sản
34	Nguyễn Trung Tuyển	TS	Bệnh Viện E
35	Bùi Vinh Quang	TS	Bệnh Viện Ung Bướu HN
36	Phan Hoàng Hiệp	TS	Bệnh Viện Ung Bướu HN
37	Lưu Ngân Tâm	TS	Bệnh Viện Chợ rẫy
38	Nguyễn Quang Bảy	TS	Bệnh Viện Bạch Mai
39	Nguyễn Thị Minh Hằng	TS	Cục Y tế Dự phòng - BHYT
40	Trần Song Giang	TS	Bệnh Viện Bạch Mai
41	Trần Thị Mỹ Hạnh	TS	Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo, Bộ Y tế
42	Trần Việt Nga	TS	Cục An toàn Thực phẩm, Bộ Y tế
43	Nguyễn Phương Lan	TS	Cục An toàn Thực phẩm, Bộ Y tế
44	Trần Cao Sơn	TS	Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Thực phẩm Quốc gia
45	Lê Thị Phương Thảo	TS	Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Thực phẩm Quốc gia
46	Nguyễn Thành Trung	TS	Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Thực phẩm Quốc gia
47	Nguyễn Thị Giang	TS	Viện Kiểm nghiệm An toàn Vệ sinh Thực phẩm Quốc gia

Số: /QĐ -VDD

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHÓA NGHIÊN CỨU SINH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ KHÓA NĂM**

Họ và tên NCS:.....

Chuyên ngành: Dinh dưỡng

Mã số: 9720401

Quyết định công nhận NCS số:.....

Thời gian đào tạo: 04 năm (Không tập trung)

(từ tháng năm đến tháng năm)

Phần 1. Kế hoạch học tập các học phần bổ sung

1. Tên học phần/khối lượng tín chỉ

.....

2. Thời gian học tập: Học kỳ 1, 2 năm thứ 1

.....

3. Địa điểm học tập:.....

.....

Lập bảng, theo quy định đối với từng nghiên cứu sinh (đối với NCS tốt nghiệp đại học chính quy loại giỏi trở lên có chuyên ngành đúng hoặc phù hợp chuyên ngành dinh dưỡng/hoặc đối với nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ chuyên ngành phù hợp hoặc chuyên ngành gần chuyên ngành dinh dưỡng).

Phần 2. Kế hoạch học tập các phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

2.1. Học phần ở trình độ tiến sĩ

TT	Tên học phần	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Dinh dưỡng cơ sở	Quý.../năm....	Ghi rõ thời gian, địa điểm học tập
2	Dinh dưỡng cộng đồng	Quý.../năm....	
3	Dịch tễ học dinh dưỡng	Quý.../năm....	
4	Dinh dưỡng điều trị	Quý.../năm....	
5	Khoa học thực phẩm và an toàn thực phẩm	Quý.../năm....	
6	Dinh dưỡng và các bệnh không lây nhiễm	Quý.../năm....	

2.2. Các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan

TT	Tên chuyên đề và tiểu luận	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Tiểu luận tổng quan tiến sĩ	Quý.../năm....	<i>Ghi rõ thời gian, địa điểm thực hiện</i>
2	Chuyên đề tiến sĩ 1	Quý.../năm....	
3	Chuyên đề tiến sĩ 2	Quý.../năm....	

Phần 3. Đề tài nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ

1. Dự kiến báo cáo khoa học: Tên, thời gian

2. Dự kiến số bài đăng báo trong nước: 02 bài.

- Tên bài viết:.....

- Tên tạp chí.....; Thời gian:.....

(Tạp chí Dinh dưỡng & Thực phẩm; các tạp chí khác được Hội đồng Giáo sư Ngành y công nhận từ 0,75 điểm trở lên...)

3. Dự kiến bài đăng báo nước ngoài: bài.

- Tên bài viết:.....

- Tên tạp chí.....; Thời gian:.....

4. Dự kiến báo cáo đề tài luận án; Thời gian:.....

TT	Tên chuyên đề và tiểu luận	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Bảo vệ luận án cấp cơ sở	Quý.../năm....	<i>Ghi rõ thời gian, địa điểm thực hiện trong năm 3-4</i>
2	Gửi phản biện độc lập nhận xét luận án	Quý.../năm....	
3	Bảo vệ luận án cấp Viện	Quý.../năm....	

**Thủ trưởng cơ sở
đào tạo**
(Ký, đóng dấu)

Cán bộ hướng dẫn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nghiên cứu sinh
(Ký, ghi rõ họ
tên)